TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31-5-2024.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Păng Ting Nock

Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ D, thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên toà.*

- *Bị đơn*: Ông Bùi Quốc H, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ D, thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Trần Thị Kim C thì: Bà và ông Bùi Quốc H đăng ký kết hôn vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ của ông H được 06 tháng thì chuyển ra ở riêng tại xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung đôi lúc cũng có những mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên thì sau

khi bà sinh con gái thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bà C có một con riêng sống cùng bà với ông H, ông H phân biệt con chung, con riêng, thường hay đánh con riêng, dẫn đến cháu bị bệnh trầm cảm và đang điều trị bệnh. Ngoài ra, ông H thường xuyên đi uống rượu về đánh bà và con trước mặt bố mẹ của bà. Nhiều lần công an xã X xuống can thiệp nhưng ông H cũng không thay đổi. Hiện ông bà đã sống ly thân từ năm 2022, ông H chuyển về nhà mẹ của ông ở nhưng vẫn thường hay lên thăm con chung, ông bà thỉnh thoảng vẫn nói chuyện. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà sợ ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm lý của các con và mệt mỏi khi chung khi sống cùng ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Quốc H.

- Về con chung: Bà C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Bảo C1, sinh ngày 21/01/2017. Hiện con đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Bà C xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Bùi Quốc H thì: Việc đăng ký kết hôn như bà C trình bày là đúng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2015 -2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà C có con riêng cùng chung sống với ông bà dẫn đến ông bà bất đồng trong việc nuôi dạy con, ông dạy con nhưng cháu không nghe, bà C và bố mẹ bà C thì bênh con, cháu nên ông cảm thấy ông bị hạn chế quyền làm cha trong việc nuôi day con. Ngoài ra, vợ chồng ông còn mâu thuẫn về kinh tế. Hiện nay ông đang ở nhà mẹ ruột của ông nhưng vẫn đi lại để thăm nom con chung, phụ giúp bà C dọn hàng buôn bán đồ ăn sáng và nhiều việc khác. Nay bà C yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà C và ông vẫn còn có trách nhiệm với vợ con. Trường hợp bà C cương quyết ly hôn thì ông chỉ đồng ý ly hôn nếu bà C giao con chung cho ông nuôi dưỡng. Trường hợp con có nguyện vọng ở với bà C thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông H xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Bảo C1, sinh ngày 21/01/2017. Hiện con đang ở với bà C. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Bùi Ngọc Bảo C1. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H cũng đồng ý ly hôn với bà C, đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên sẽ tự thoả thuận và cùng có trách nhiệm với con chung. Về tài sản chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim C. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Ngọc Bảo C1, sinh ngày 21/01/2017 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung bà C, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về nợ chung: Bà C, ông H xác định không có nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Quốc H, nơi cư trú: Tổ D, thôn T, xã X,

thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà C và ông H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà C và ông H hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà C nguyên nhân mâu thuẫn do ông H phân biệt con chung, con riêng, thường hay đánh con riêng của bà. Ngoài ra, ông H thường xuyên đi uống rượu về đánh bà và con riêng trước mặt bố mẹ của bà, nhiều lần Công an xã X phải can thiệp. Bà cũng đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng ông H vẫn không thay đổi.Theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, ông nhận thấy ông bị hạn chế về quyền làm cha, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có tình cảm yêu thương nhau dẫn đến thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Ông không muốn ly hôn nhưng vợ chồng cũng không thể trở về chung sống hạnh phúc, tại phiên toà bà C vẫn cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông H là trầm trọng, phát sinh và kéo dài trong nhiều năm không thể giải quyết. Bà C xác định không còn tình cảm thương yêu với ông H, ông H xác định còn tình cảm với bà C nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên toà ông cũng đồng ý ly hôn với bà C. Như vậy, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà C và ông H là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc nên bà C yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà C, ông H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Bảo C1, sinh ngày 21/01/2017. Cả hai thoả thuận giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu C1 hiện đang ở cùng bà C. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và việc học tập của cháu nên giao cháu C1 cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà C, ông H xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà C, ông H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C. Bà Trần Thị Kim C và ông Bùi Quốc H được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Ngọc Bảo C1, sinh ngày 21/01/2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật. Ông Bùi Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà C đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000262 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà C đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C, ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt;
- UBND xã Xuân Trường, Tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Vân Anh